

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2025/DS-PT

Ngày: 13-5-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp

hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Hùng.

Ông Hồ Văn Luông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2024/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2025/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 70^A/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Phương T - Sinh năm 1972, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Thanh P – Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2024), có mặt tại phiên tòa.

Đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn D là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phạm Phương T trình bày: Ông Trần Văn D có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ gồm: Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/8/2022 âm lịch có 34 phần, ông D tham gia 01 phần, đóng được đến ngày 10/10/2022 thì hốt và ông D đóng hụi chết đến ngày 10/04/2024 được 22 tháng, đến ngày 10/5/2024 thì ông D không đóng còn lại 12 tháng với số tiền hụi chết là 24.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông D còn tham gia dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 29/8/2022 âm lịch gồm 29 phần, ông D tham gia 01 phần. Đối với chân hụi này, ông D hốt ngày 29/02/2022 âm lịch, ông D đóng hụi chết đến ngày 29/5/2024 âm lịch được 23 tháng, ngày 29/6/2024 âm lịch thì còn hụi chết 06 lần chưa đóng với số tiền 12.000.000 đồng.

Tổng cộng ông D còn nợ bà T 18 lần hụi chết với số tiền 36.000.000 đồng nên bà T yêu cầu ông D trả số tiền 36.000.000 đồng.

Bị đơn Ông Trần Văn D trình bày: Ông có tham gia 02 dây hụi do bà T làm chủ gồm hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/8/2022 âm lịch gồm 34 phần, ông tham gia 01 phần, ông đóng được vài lần thì hốt, không nhớ rõ ngày tháng, đối với chân hụi này đến ngày 15/10/2022 thì ông hốt được 46.200.000 đồng, đối với dây hụi ngày 10/8/2022 âm lịch thì ông đã đóng từ tháng 8/2022 âm lịch đến 05/2024 âm lịch là 23 tháng với số tiền khoảng 45.000.000 đồng; còn lại 11 lần hụi chết với số tiền 22.000.000 đồng ông chưa đóng cho bà T.

Ngoài ra, ông còn tham gia dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 29/8/2022 âm lịch gồm 29 phần, ông tham gia 01 phần, đối với chân hụi này ông hốt với số tiền 38.640.000 đồng, còn lại khoảng 07 lần hụi chết ông chưa đóng cho bà T, khi đóng hụi thì không có giấy tờ gì, chỉ giao tiền trực tiếp cho bà T. Chân hụi này ông đóng từ tháng 08/2022 đến tháng 4/2024 là 22 tháng với số tiền khoảng 43.000.000 đồng, tổng số tiền hụi ông đã hốt của 02 dây hụi là 84.840.000 đồng.

Sau đó, bà T tuyên bố bẻ hụi vào ngày 04/4/2024 nhưng ông vẫn tiếp tục đóng 03 lần vào các ngày 10/4/2024, 29/4/2024 và 10/5/2024 âm lịch với tổng số tiền 6.000.000 đồng; tổng số tiền hụi ông đã đóng là 88.000.000 đồng.

Nay ông đã đóng đủ số tiền vốn và bà T chỉ hoàn lại vốn cho bên hụi sống nên ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn bà T về việc đóng thêm hụi chết theo yêu cầu của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Phương T. Buộc ông Trần Văn D có trách nhiệm trả cho bà Phạm Phương T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu

đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị đơn ông Trần Văn D có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện hợp pháp cho bị đơn trình bày: Nếu bà T có thiện chí thỏa thuận thì ông D đề nghị được trả số tiền 15.000.000 đồng, đồng ý trả một lần và trả trong thời gian sớm cho bà T. Nếu bà T không đồng ý với đề nghị trên thì bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả số tiền hui chết còn lại cho bà T, lý do là bà T đã tuyên bố bế hui vào tháng 04/2024, không có giao tiền hui cho các thành viên hui sống còn lại. Ông D đồng ý sẽ trả số tiền cho các thành viên hui sống mà bà T chưa giao hui.

- Ý kiến nguyên đơn bà Phạm Phương T: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn D, không đồng ý cho ông D trả số tiền 15.000.000 đồng mà yêu cầu ông D phải số tiền 36.000.000 đồng cho bà T.

Hiện nay dây hui của bà đã tạm ngừng để bà đi gom hui và giao hui sống cho các thành viên (bao gồm cả gốc và lãi). Bà không có bế hui như ông D trình bày, không có việc thỏa thuận giữa các thành viên với nhau khi giao kết hui.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn D kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả số tiền hui theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy.

[2.1] Nguyên đơn bà Phạm Phương T và bị đơn ông Trần Văn D khai thống nhất với nhau ông Trần Văn D có tham gia 02 dây hui tháng gồm 01 dây hui mở vào ngày 10/8/2022 và 01 dây hui mở vào ngày 29/8/2022 do bà Phạm Phương T làm chủ hui. Cả 02 dây hui ông D đã hốt. Theo nguyên đơn, dây hui ngày 10/8/2022, ông D hốt được số tiền 43.300.000 đồng, còn nợ lại 12 lần hui chết, dây hui ngày 29/8/2022 hốt được số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ lại 06 lần hui chết. Về phía bị

đơn ông D cho rằng đây hội ngày 10/8/2022, ông D hốt được số tiền 46.200.000 đồng, còn nợ lại 11 lần hội chết, đối với đây hội ngày 29/8/2022 hốt được số tiền 38.640.000 đồng, còn nợ lại 07 lần hội chết. Như vậy, mặc dù nguyên đơn và bị đơn khai không thống nhất với nhau về số tiền hốt được và số lần hội chết còn lại của mỗi đây hội nhưng đã thống nhất được số lần hội chết của 02 đây hội ông D còn phải đóng cho bà T là 18 lần.

[2.2]. Xác định trách nhiệm trả nợ: Bị đơn cho rằng nguyên đơn làm chủ hội đã tuyên bố bế hội và chỉ trả gốc cho các thành viên khác nên bị đơn chỉ trả tiền gốc mà không trả lãi cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông D trình bày sẽ tự trả số tiền hội cho các thành viên khác chưa được bà T giao hội. Theo Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biêu, phường quy định tại Điều 18 thì chủ hội có nghĩa vụ giao các phần hội cho thành viên và theo quy định tại Điều 16 thì thành viên phải góp phần hội theo thỏa thuận. Như vậy, theo thỏa thuận góp hội là giữa chủ hội bà T với ông D, bà T cũng là người giao tiền hội hốt được cho ông D nên ông D có trách nhiệm trả tiền cho bà T. Do các bên thỏa thuận đây là hội có lãi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP thì ngoài số tiền gốc phải trả, ông D còn phải có trách nhiệm trả số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP cho bà T.

[2.3]. Về xác định số tiền phải trả: Xét thấy nguyên đơn bà T yêu cầu ông D phải trả số tiền theo hội chết là 36.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 21 Nghị định 19/2019 /NĐ-CP thì lãi suất không quá 20%/năm.

Theo biên nhận, đây hội thứ nhất hốt được 43.300.000 đồng, hốt vào tháng 10 (tức là lần đóng thứ 3) còn phải đóng tiếp 31 lần hội chết tương ứng 31 tháng. Do đó số tiền lãi phát sinh của 01 tháng bằng $43.300.000 \times 20\% : 12 \text{ tháng} = 721.000$ đồng. Như vậy, lãi suất 31 tháng bằng 22.371.000 đồng.

Đây hội thứ 2 mở ngày 29/8/2022, bị đơn thừa nhận hốt vào tháng 02/2023 tức hốt lần thứ 7, còn 22 lần chết tương ứng lãi suất 22 tháng đến khi mãn, theo danh sách hốt hội thể hiện hội kêu 720.000 đồng, ông D hốt được số tiền 12.000.000 đồng + $(1.280.000 \times 22) = 40.160.000$ đồng, phù hợp với số tiền nguyên đơn trình bày. Như vậy tiền lãi được tính $40.160.000 \times 20\% : 12 \times 22 \text{ tháng} = 14.725.000$ đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi 02 đây hội = $43.300.000 \text{ đồng} + 22.371.000 \text{ đồng} + 40.160.000 \text{ đồng} + 14.725.000 \text{ đồng} = 120.556.000 \text{ đồng}$.

Về xác định số tiền bị đơn đã đóng cho nguyên đơn: Bị đơn thừa nhận số tiền đóng 88.000.000 đồng bao gồm cả tiền lãi của những phần sống. Do không xác định được những lần hội sống bị đơn đã đóng cho nguyên đơn nên lấy số tiền bị đơn đã kêu hốt làm căn cứ xác định số tiền bị đơn đã đóng hội sống, cụ thể: đây thứ nhất mở ngày 10/8/2022, bị đơn đóng được 02 lần hội sống và kêu 740.000 đồng để hốt nên số tiền đã đóng cho nguyên đơn $1.260.000 \text{ đồng} \times 2 + 19 \times 2.000.000 \text{ đồng} = 40.520.000 \text{ đồng}$

Đây hội thứ hai mở ngày 29/8/2022, bị đơn đã đóng được 06 lần hội sống, kêu 720.000 đồng để hốt lần thứ 7, số tiền đã đóng cho nguyên đơn là 1.280.000

đồng x 6 + 16 x 2.000.000 đồng = 39.680.000 đồng. Tổng cộng số tiền hai dây hụi bị đơn đã đóng cho nguyên đơn bằng 80.200.000 đồng.

Khấu trừ số tiền bị đơn đã đóng cho nguyên đơn vào số tiền bị đơn phải trả gốc và lãi nêu trên, thì bị đơn còn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là 120.556.000 đồng – 80.200.000 đồng = 40.356.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền theo hụi chết là 36.000.000 đồng và cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 36.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận theo đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 251, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 16, Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 143/2024/DS – ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Phương T. Buộc bị đơn ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Phương T số tiền nợ hụi 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn D phải chịu 1.800.000 đồng.

Nguyên đơn bà Phạm Phương T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo biên lai thu số 0003224 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu

số 0003470 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 13/5/2025.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thọ